

# PHONG TRẠO HÒA BÌNH, PHẢN ĐỐI CUỘC CHIẾN TRANH CỦA MỸ TẠI VIỆT NAM Ở CHLB ĐỨC

PHẠM HỒNG TUNG\*

## 1. Mở đầu

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau mà trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh (1945-1989) hai dân tộc Việt Nam và Đức có chung một nét tương đồng quan trọng: hai dân tộc, hai quốc gia cùng bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị đối lập nhau. Và do đó, cả hai quốc gia, hai dân tộc phải chia sẻ một số phận nghiệt ngã là cùng trở thành tiêu điểm đối đầu quyết liệt nhất giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối nghịch, giữa hai phe thù địch là liên minh của các nước tư bản chủ nghĩa (TBCN) đứng đầu là Mỹ và phe xã hội chủ nghĩa (XHCN) với hai trụ cột là Liên Xô và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Tuy đều vô cùng quyết liệt, nhưng hình thái và phương thức đối đầu giữa phe TBCN và phe XHCN ở Đức và Việt Nam lại hết sức khác nhau. Ở Đức, đó là cuộc chạy đua, cạnh tranh hòa bình giữa hai chế độ, hai mô hình chính trị, kinh tế xã hội, hai hệ ý thức chính trị được diễn ra dưới hình thức cuộc cạnh tranh, đối đầu giữa hai nhà nước: Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức) và Cộng hòa Dân chủ Đức (CHDC Đức).

Tuy được coi là cuộc "*cạnh tranh hòa bình*" nhưng sự tồn tại và phát triển của hai nhà nước Đức thực chất là sự tồn tại trên đầu ngọn súng, dưới sự yểm trợ - và không khỏi bị chi phối bởi hai khối quân sự NATO và Warsaw (Varsava). Cả hai khối này đều triển khai hàng triệu quân với đủ mọi thứ vũ khí tối tân, nguy hiểm nhất trên lãnh thổ của hai nhà nước Đức, và luôn luôn ở trong trạng thái sẵn sàng nhả đạn về phía đối phương.

Còn ở Việt Nam, ngay sau khi Thế chiến II kết thúc, theo quyết nghị của Hội nghị Đồng Minh ở Potsdam (7-1945), Việt Nam bị tạm thời phân chia thành hai khu vực chiếm đóng của hai lực lượng Đồng Minh. Phía Bắc vĩ tuyến 16 là khu vực chiếm đóng của quân đội Trung Hoa (Quốc dân đảng), phía Nam vĩ tuyến 16 là khu vực chiếm đóng của quân Anh. Tuy việc chiếm đóng của các lực lượng Đồng Minh này chỉ là tạm thời nhằm giải giáp quân đội Nhật Bản, song nó lại mở đường cho việc thực dân Pháp quay lại tái chiếm thuộc địa ở Việt Nam và Đông Dương, đe dọa nghiêm trọng chủ quyền và nền độc lập dân tộc mà nhân dân Việt Nam vừa đứng lên giành lại được dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

\* PGS. TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

Đông Dương và Mặt trận Việt Minh. Đây chính là cội nguồn và là điểm khởi đầu của cái mà nhiều sử gia phương Tây gọi là "Cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất" và "Cuộc Chiến tranh Việt Nam", những cuộc chiến tranh mà nhân dân Việt Nam, dù không muốn, đã bị xô đẩy tới chỗ buộc phải dốc hết mọi nguồn lực vật chất và tinh thần, hy sinh hàng triệu mạng sống để vượt qua, để bảo vệ được quyền sống trong độc lập, tự do, bảo vệ sự thống nhất và quyền tự quyết của dân tộc mình.

Do vậy, cuộc đối đầu giữa hai phe TBCN và XHCN ở diễn ra ở Việt Nam không chỉ biểu hiện ở mức độ quyết liệt nhất, dưới hình thức tàn khốc nhất là chiến tranh, mà còn là sự đối đầu phức tạp nhất, không chỉ về ý thức hệ hay sự lựa chọn chế độ chính trị - xã hội, mà còn là sự đối đầu giữa ý chí độc lập, tự chủ, tự quyết, tự do của dân tộc Việt Nam với âm mưu nô dịch, thống trị và chi phối của các thế lực ngoại bang.

## **2. Phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam ở Đức từ 1965 đến 1967**

Điểm xuất phát và cũng là một trong những bộ phận hợp thành quan trọng nhất của phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là "Chiến dịch giải trừ quân bị" (*Kampagne fuer Abruestung - KfA*) xuất hiện ở CHLB Đức từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX. Khi mới xuất hiện vào năm 1960 tại thành phố Freiburg phong trào này dường như "sao chép" nguyên mẫu phong trào giải trừ vũ khí hạt nhân xuất hiện ở Anh với tên gọi "*Campagne for Nuclear Disarmament*" dưới hình thức một cuộc tuần hành kéo dài ba ngày vào lễ Phục sinh (*Ostermaerschen*), với lực lượng tham gia chủ yếu là thanh niên, sinh viên. Đến năm 1963 thì phong trào này chính thức mang tên "*Phong trào*

*giải trừ quân bị*" và thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn, và từ năm 1968 trở đi phong trào này mang tên gọi mới "*Phong trào vì dân chủ và giải trừ quân bị*". Như vậy, có thể thấy ở điểm xuất phát của nó, phong trào này thuần túy chỉ là một bộ phận của phong trào hòa bình vốn đã phát triển liên tục ở Tây Âu từ sau cuộc Thế chiến I và trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh Lạnh toàn cầu lúc đó thì nó trở thành phong trào đấu tranh giải trừ quân bị, và hầu như không có liên quan gì đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Nhưng từ khi Mỹ quyết định leo thang bắn phá miền Bắc Việt Nam và đổ quân vào chiến trường Việt Nam thì phong trào này mới phát triển thành phong trào phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam, đồng thời gắn chặt mục tiêu đấu tranh này với các mục tiêu phản kháng chính trị - xã hội của nhân dân Đức và với cuộc đấu tranh vì hòa bình trên toàn thế giới.

Bước ngoặt này của phong trào diễn ra vào mùa Thu năm 1964. Ngay sau khi Tổng thống Mỹ Johnson ra lệnh oanh kích miền Bắc Việt Nam, ủy ban Trung ương của Phong trào giải trừ quân bị đã phát hành Tờ thông tin số 14/64 bày tỏ sự nghi ngờ đối với tính xác thực của cái gọi là: "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" do Washington công bố. Tiếp đó, ngày 19 tháng 12 năm 1964, ủy ban này đã gửi cho chính phủ Mỹ một bức Thư ngỏ, phê phán mạnh mẽ hành vi tấn công chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Mỹ, đồng thời đưa ra một bản yêu sách gồm ba điểm chính: 1) Yêu cầu Mỹ không có thêm bất cứ hành vi chiến tranh nào nữa ở toàn cõi Đông Dương và phải quay trở lại chấp hành đúng những quy định của Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954; 2) Đảm bảo tổ chức một cuộc tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam; 3) Mỹ phải

có trách nhiệm giúp tái thiết Việt Nam. Bản yêu sách cũng nhấn mạnh yêu cầu Mỹ phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam.

Với động thái này Phong trào giải trừ quân bị đã thực sự châm ngòi cho những làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Đức yêu chuộng hòa bình nhằm phản đối chính sách hiếu chiến của Mỹ ở Việt Nam, đồng thời phản đối kịch liệt chính sách thân Mỹ của chính phủ CHLB Đức lúc đó. Nếu trong những năm 1963, 1964 số người tham gia vào các cuộc diễu hành, biểu tình, mít tinh đòi giải trừ quân bị chỉ vào khoảng trên dưới 1.000 người thì từ năm 1965 trở đi con số này đã tăng lên trên 300.000 người. Cũng trong thời gian đó, số người tham gia ký tên vào các bản tuyên bố, kiến nghị thư của phong trào cũng tăng vọt từ khoảng 230 lên 15.000 (1). Khởi đầu là cuộc tuần hành khổng lồ của khoảng hơn 400.000 người trên suốt quãng đường 22km từ Thành phố Mainz đến Thành phố Frankfurt am Main nhân dịp Lễ Phục sinh năm 1965. Hơn 15.000 người đã ký tên vào bản tuyên bố đòi chính phủ Mỹ chấm dứt ngay các hành vi chiến tranh tại Việt Nam, đồng thời đòi chính phủ CHLB Đức không những phải chấm dứt ngay mọi sự ủng hộ đối với chính sách hiếu chiến của Mỹ, mà còn phải gây sức ép để chính phủ Mỹ chấm dứt ngay “cuộc chiến tranh bẩn thỉu” của họ tại Việt Nam (2).

Bên cạnh các cuộc diễu hành quần chúng khổng lồ, Phong trào vì dân chủ và giải trừ quân bị còn tổ chức nhiều hoạt động phản kháng tập thể đa dạng khác nhằm thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân Đức, như tổ chức Tuần lễ hành động vì hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam, chiếu và giới thiệu phim về cuộc chiến, tán phát thông tin, tổ chức thu thập

chữ ký, triển lãm tranh ảnh, mít tinh, biểu tình... Ngoài dịp Lễ Phục sinh, các ngày thánh lễ khác và kể cả ngày Quốc khánh Mỹ (4-7) cũng được biến thành những cơ hội thuận lợi để tập hợp quần chúng đấu tranh.

Bộ phận thứ hai là phong trào sinh viên Đức. Trước đó, sinh viên nhiều trường đại học ở CHLB Đức đã tham gia rất tích cực vào các hoạt động của Phong trào giải trừ quân bị. Từ giữa năm 1965 trở đi, phong trào sinh viên phát triển lên một tầm cao mới và càng ngày càng mang đậm bản sắc riêng của phong trào sinh viên. Hòa nhịp với phong trào đấu tranh sục sôi của sinh viên các trường đại học ở Mỹ đòi hòa bình và phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 10 năm 1965, Liên đoàn Sinh viên Xã hội chủ nghĩa Đức (*Der Sozialistische Deutsche Studentenbund - SDS*) đã triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc và ra quyết nghị, rằng Liên đoàn phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên tiếp cận đầy đủ nhất với các nguồn thông tin về cuộc chiến ở Việt Nam, đồng thời hiểu rõ những nguyên nhân kinh tế, chính trị sâu xa của cuộc chiến đó. Theo như bản Quyết nghị này thì rõ ràng SDS không nhìn nhận cuộc chiến ở Việt Nam như là một cuộc nội chiến mà là cuộc chiến tranh Mỹ - Việt Nam. Tại Đại hội, SDS cũng gửi thông điệp tới tất cả các liên đoàn sinh viên Tây Âu đề nghị phối hợp trong những hành động chung phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam (3).

Tiếp đó, ngày 27 tháng 1 năm 1966 một ủy ban Sinh viên Tây Âu vì Hòa bình cho Việt Nam đã được thành lập ở Đức và ra Tuyên bố, gửi cho Chính phủ Mỹ một bản yêu sách ba điểm: 1) Rút ngay toàn bộ các lực lượng vũ trang khỏi Việt Nam; 2) Tham gia vào một cuộc hội nghị hòa bình với sự

có mặt của tất cả các bên tham chiến; 3) Đảm bảo tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam (4). Cùng ngày phong trào hòa bình của sinh viên phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam càng phát triển sôi nổi, và đến giữa năm 1966 thì các tổ chức sinh viên khác ở Đức, như Liên đoàn Đại học Xã hội chủ nghĩa (SHB), Liên minh Sinh viên Nhân đạo (HSU) và Liên đoàn Sinh viên Tự do Đức... đều tuyên bố sát cánh cùng hành động với SDS. Do vậy, SDS đã nhanh chóng chiếm được đa số tuyệt đối trong Nghị viện Sinh viên Đức, thống nhất tổ chức tất cả các hoạt động tranh đấu trong các trường đại học và cao đẳng vì hòa bình, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam. Hàng trăm cuộc mít tinh, hội thảo và đặc biệt là diễn đàn thông tin (*teach-ins and sit-ins*) về cuộc chiến tranh Việt Nam đã được tổ chức, lôi cuốn hàng trăm nghìn sinh viên Đức vào phong trào đấu tranh chung của sinh viên toàn thế giới phản đối chính sách hiếu chiến của chính phủ Mỹ.

Bộ phận thứ ba của phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là các hoạt động quyên góp ủng hộ nhân dân Việt Nam, trước hết là cứu trợ, ủng hộ nạn nhân chiến tranh. Ngay từ tháng 7 năm 1965 Hội Hòa bình Đức (*Die Deutsche Friedensgesellschaft* - DFG) đã phát ra Lời kêu gọi thống thiết: “Điều kinh khủng nhất đang diễn ra ở Việt Nam. Một dân tộc chưa từng tấn công bất cứ ai đang bị hủy diệt một cách tàn bạo nhất bởi các thứ vũ khí tối tân nhất. Do vậy, chúng ta cảnh báo và phản kháng mạnh mẽ, bởi lẽ cuộc chiến đang mỗi ngày một lan rộng ở Việt Nam có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh thế giới bằng vũ khí hạt nhân. Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ phong trào toàn thế giới đòi chấm dứt ngay các cuộc ném

bom, chấm dứt ngay chiến tranh và đảm bảo quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam” (5). Tiếp đó, tháng 8 năm 1968, một số nhà hoạt động tôn giáo và thủ lĩnh công đoàn Đức đã lên tiếng, phát động phong trào “Hãy giúp họ” (*Helft Ihnen*) nhằm quyên góp tiền cứu trợ nạn nhân chiến tranh ở Việt Nam (6).

Lời kêu gọi giúp đỡ nạn nhân chiến tranh ở Việt Nam của DFG và các nhân sĩ nổi tiếng nhanh chóng nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân Đức. Chỉ trong vòng hơn 4 tháng, đến tháng 11 năm 1965 phong trào này đã quyên góp được số tiền khoảng 60.000 DM từ các cá nhân và các tổ chức từ thiện trên toàn Tây Đức.

Theo luật pháp CHLB Đức thì phong trào “*Helft Ihnen*” chỉ có thể được phép chuyển số tiền quyên góp được sang Việt Nam nếu như nó hoàn toàn không bộc lộ lập trường chính trị và thái độ với cuộc chiến một cách công khai. Vì vậy, trong các bản Thông báo thường kỳ, phong trào này đã nói rõ: “Chúng tôi biết rằng có rất nhiều vấn đề liên quan đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam mà trong phạm vi các hoạt động cứu trợ chúng tôi không thể đề cập đến” (7).

Tuy nhiên, xem xét kỹ cách thức trình bày sự kiện trong các bản Thông báo thường kỳ thì có thể thấy thái độ và lập trường của DFG và phong trào là hết sức rõ ràng. Trong khi phong trào không bao giờ chỉ trích Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng luôn luôn mô tả hành vi chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam là “xâm lược” và cáo buộc Mỹ phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh do họ gây ra. Bên cạnh đó, các tờ Thông báo thường kỳ cũng cho in lại và phát tán những bài phát biểu của thủ lĩnh phong trào hòa bình, phản chiến Mỹ Martin Luther King, kể cả các bài phát

biểu của lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

### **3. Phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam tại CHLB Đức từ năm 1968 đến năm 1973**

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân Việt Nam vào mùa Xuân 1968 đã giáng cho quân Mỹ và chế độ Việt Nam Cộng hòa một đòn choáng váng, tạo nên một bước ngoặt chiến lược của cuộc diện chiến tranh ở Việt Nam. “Cuộc tấn công Tết” (*Tet Offensive*) của quân và dân Việt Nam cũng có tác động chính trị hết sức sâu rộng tại nước Mỹ và các nước phương Tây. Nó đã chỉ cho chính giới và nhân dân các nước này một sự thật rõ ràng, rằng cho dù chính phủ Mỹ đã đổ hơn nửa triệu quân vào miền Nam Việt Nam và leo thang bắn phá dữ dội miền Bắc Việt Nam, chúng cũng không những không thể ngăn chặn được đà tấn công mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam, và càng không có khả năng giành được một thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh theo ý muốn của Mỹ. Đặc biệt, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông hiện đại mà những hình ảnh của cuộc chiến tại Việt Nam, cảnh quân Giải phóng tấn công Mỹ ngay tại Sài Gòn, Huế và các đô thị khác, cảnh quân đội Mỹ với những vũ khí tối tân đang phạm phải những tội ác man rợ nhất chống lại thường dân Việt Nam... được kịp thời công bố ở Mỹ và phương Tây đã làm thức tỉnh mạnh mẽ lương tri nhân loại. Do vậy, làn sóng công phẫn, bất bình và phản đối chính sách hiếu chiến của chính phủ Mỹ càng ngày càng lan rộng và sục sôi ở Mỹ và nhiều nước đồng minh thân Mỹ.

Tại CHLB Đức phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt

Nam cũng bùng phát mạnh mẽ và lan rộng hơn từ sau sự kiện “Cuộc tấn công Tết” 1968. *Nét đặc sắc nhất của phong trào đấu tranh trong giai đoạn này là phong trào đã phát triển từ chỗ phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam tới chỗ ủng hộ công khai và mạnh mẽ chính sách yêu chuộng hòa bình và cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lãnh đạo...*

Bộ phận chuyển biến mạnh mẽ và sớm nhất là phong trào thanh niên - sinh viên Đức. Trong hai ngày, 17 và 18 tháng 2 năm 1968 một cuộc Đại hội Quốc tế về Việt Nam đã được tổ chức tại Tây Berlin. Liên đoàn Thanh niên XHCN Đức (SDS) đã đứng ra tổ chức cuộc Đại hội này, với sự tham dự của hơn 5.000 đại biểu thuộc 44 đoàn đại biểu của các tổ chức thanh niên cộng sản và dân chủ đến từ 14 nước phương Tây. Trong Tuyên bố cuối cùng, các đại biểu tham dự Đại hội đã nhất trí cực lực lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, đồng thời công khai tuyên bố ủng hộ mạnh mẽ chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại hội quyết nghị kêu gọi: “tiếp tục mở rộng đẩy mạnh ở tất cả các nước Tây Âu các chiến dịch ủng hộ về vật chất và tinh thần đối với cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam” (8). Trong không khí tranh đấu sục sôi do ảnh hưởng của “Cuộc tấn công Tết” từ miền Nam Việt Nam dội tới, Đại hội đã đưa ra lời tuyên bố công khai: “Sự giúp đỡ của chúng ta đã chuyển từ chỗ quyên góp mua thuốc men tới chỗ quyên góp mua vũ khí.” Đồng thời kêu gọi “đập tan khối xâm lược NATO” (9).

Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh lúc đó, những lời tuyên bố trên đây rõ ràng là quá tả và không thể được hiện thực hóa, song nó đã phản ánh rõ ràng nhất sự chuyển biến lập trường và sự gia tăng tính chất quyết liệt của phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ tại Đức và các nước phương Tây khác. Quan trọng hơn, cuộc Đại hội này đã châm ngòi cho một làn sóng đấu tranh sục sôi, quyết liệt mới của thanh niên - sinh viên trên toàn nước Đức chống Mỹ và ủng hộ nhân dân Việt Nam. Ngay sau đó, ngày 18 tháng 3 năm 1968, một cuộc biểu tình khổng lồ của 18.000 sinh viên, thanh niên và dân chúng Đức đã nổ ra ở Tây Berlin. Ở nhiều thành phố khác sinh viên, thanh niên Đức cũng đồng loạt xuống đường hô vang các khẩu hiệu "*Hồ! Hồ! Việt Nam! Hồ Chí Minh!*" Xung đột dữ dội giữa sinh viên với cảnh sát Đức đã diễn ra ở Bonn, Frankfurt am Main, Freiburg, Muenchen, Kiel, Bochum... (10). Nhiều sinh viên Đức đã đến trường với áo *T-shirt* mang hình Che Guevara, Hồ Chí Minh và cờ đỏ sao vàng. Họ tự gọi mình là "thế hệ 68" - thế hệ của các phong trào đấu tranh sục sôi của sinh viên toàn thế giới vì tự do, dân chủ, hòa bình và ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam chống Mỹ (11).

Phong trào đấu tranh sôi nổi và quyết liệt của sinh viên đã nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhiều tầng lớp dân chúng Tây Đức, đặc biệt là từ giữa tháng 3 năm 1968, khi phong trào này hòa nhịp vào làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của dân chúng do các đảng đối lập cánh tả tổ chức nhằm phản đối đạo Luật khẩn cấp (*Notstandsgesetze*) vừa được Quốc hội Đức thông qua. Hành động đàn áp quyết liệt của chính phủ CHLB Đức cũng càng làm

cho không khí chính trị trở nên căng thẳng thêm. Ngày 2 tháng 6 năm 1967 cảnh sát đã nổ súng bắn chết Benno Ohnesorg tại một cuộc biểu tình tại Tây Berlin. Gần một năm sau, ngày 11 tháng 4 năm 1968, thủ lĩnh của SDS tại Tây Berlin Rudi Dutschke bị một phần tử cực hữu ám sát hụt. Sau khi đạo Luật khẩn cấp được thông qua, chính phủ Tây Đức chính thức cho phép cảnh sát dùng vũ lực để giải tán các cuộc biểu tình. Đáp lại, ngày 11 tháng 5 năm 1968, các đảng đối lập cánh tả, mà đi đầu là SDS, đã tổ chức một cuộc biểu tình khổng lồ với sự tham gia của khoảng gần 80.000 tại Bonn, thủ đô của CHLB Đức.

Những tin tức tiếp theo từ diễn biến của cuộc chiến càng làm cho làn sóng đấu tranh phản đối Mỹ, ủng hộ nhân dân Việt Nam lan rộng hơn. Đầu tiên là những tin tức và hình ảnh khủng khiếp về cuộc thảm sát Mỹ Lai do quân đội Mỹ tiến hành, giết hại hơn 500 thường dân Việt Nam vào ngày 16-3-1968. Mặc dù chính phủ Mỹ cố tình che giấu tội ác này nhưng đến cuối tháng 3 năm 1969 thì cả thế giới đã bàng hoàng khi những sự thật man rợ được báo giới Mỹ phơi bày. Trước đó, việc Johnson thừa nhận không dám ra ứng cử trong nhiệm kỳ tổng thống tiếp theo đã cho thấy thất bại rõ ràng của phe "điều hậu" trong chính giới Mỹ. Việc Hội nghị Hòa bình ở Paris về Việt Nam chính thức khai mạc vào tháng 5 năm 1968 càng mang đến nhiều niềm tin và hy vọng cho phong trào hòa bình, phản chiến ở khắp mọi nơi, trong đó có CHLB Đức.

Tháng 10 năm 1968 Ủy ban Trung ương Phong trào Dân chủ và Giải trừ quân bị ra Thông báo, nêu rõ: "Mặc dù hiện tại đã có những hy vọng nhỏ nhoi, nhưng vẫn tồn tại một nguy cơ rằng cuộc chiến ở Việt Nam sẽ trở nên tàn khốc hơn sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ... Vì vậy, Ủy ban Trung ương

Phong trào Dân chủ và Giải trừ quân bị kêu gọi một làn sóng đấu tranh mới chống lại cuộc xâm lăng của Mỹ ở Việt Nam” (12). Theo đó, ngoài các hoạt động quyên góp, mít tinh, diễu hành, Phong trào còn tổ chức thường xuyên các hoạt động tuyên truyền đường phố bằng phát thanh, rải truyền đơn, dán biểu ngữ cho đến các buổi diễn thuyết, hội họp... để phổ biến thông tin và kêu gọi đấu tranh chống Mỹ, ủng hộ Việt Nam.

Phong trào quyên góp ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Ngày 11 tháng 1 năm 1969 một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức tại Strasbourg, một thành phố nằm ở biên giới Pháp - Đức với sự tham gia của khoảng 300 đoàn đại biểu đại diện cho các tổ chức và phong trào đoàn kết với Việt Nam trên khắp lãnh thổ Tây Đức. Trung tâm điểm của cuộc mít tinh là sự tham dự của đại diện phái đoàn đàm phán tại Hội nghị Paris của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Do lúc đó chính phủ Tây Đức vẫn chưa có quan hệ ngoại giao với Hà Nội và từ chối cấp visa vào Đức cho hai đoàn đại biểu này nên cuộc mít tinh buộc phải tổ chức trên đất Pháp. Lần đầu tiên những người tham gia phong trào hòa bình, ủng hộ Việt Nam được tiếp xúc trực tiếp và nhận được những thông tin chính thức từ những đại biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Vì vậy tiếng vang và sức cổ vũ của cuộc mít tinh này đối với phong trào đấu tranh ở Đức là rất lớn. Tiếp đó, từ ngày 20 tháng 1 đến ngày 7 tháng 3 năm 1969 một phái đoàn của Hội chữ thập đỏ từ Hà Nội đã được Liên minh các tổ chức Đoàn kết với Việt Nam mời thăm một loạt thành phố ở Tây

Đức, như Nuernberg, Mannheim, Frankfurt am Main, Duesseldorf, Saarbruecken... Qua các cuộc tiếp xúc với phái đoàn, nhân dân Đức có điều kiện bày tỏ sự ủng hộ to lớn cả về vật chất và tinh thần đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Trong không khí đó, cuộc diễu hành nhân Lễ phục sinh kéo dài từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 3 năm 1969 diễn ra ở trên 200 thành phố Tây Đức đã thực trở thành ngày hội ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, đồng thời yêu cầu chính phủ Đức “chấm dứt ngay mọi sự ủng hộ đối với chính sách chiến tranh của Mỹ” (13).

Đỉnh cao của phong trào đoàn kết, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và phản đối chính sách hiếu chiến của chính phủ Mỹ chính là Ngày Quốc tế vì Việt Nam diễn ra vào ngày 15 tháng 11 năm 1969 trên toàn lãnh thổ Tây Đức. Với khẩu hiệu trung tâm “*Chấm dứt ngay chiến tranh! Hòa bình cho Việt Nam!*” Ngày Quốc tế vì Việt Nam đã thu hút được sự tham gia của khoảng trên 40.000 người với nhiều hình thức khác nhau, như biểu tình, tuần hành, mít tinh, quyên tiền ủng hộ... Nét đặc sắc nhất là trong ngày này, lần đầu tiên nhiều bộ phận, nhiều tổ chức riêng lẻ của phong trào phản kháng ở Đức đã gặp gỡ, phối hợp với nhau trong một hành động chung vì Việt Nam. Một tờ truyền đơn của phong trào cho biết: “Đây là lần đầu tiên các tổ chức công đoàn lớn, hiệp hội sinh viên, hiệp hội giáo viên... đã cùng đứng trong hàng ngũ chung của những người phản đối cuộc Chiến tranh Việt Nam của Mỹ... Hàng nghìn binh sĩ cũng đồng ý tham gia các cuộc biểu tình vì hòa bình” (14).

Trong Ngày Quốc tế vì Việt Nam, một tổ chức mới đã tuyên bố ra đời với tên gọi Sáng kiến Quốc tế Đoàn kết với Việt Nam

(*Initiative Internationale Vietnamsolidaritaet* - IIVS). Ngay lập tức IIVS ra tuyên bố ủng hộ bản Chương trình 10 điểm của phái đoàn Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris. IIVS đã cho in bản Chương trình 10 điểm này dưới dạng truyền đơn và phân phát trên 500.000 bản trên khắp Tây Đức. Đồng thời, IIVS phát động một Tuần lễ vì Việt Nam, quyên góp, ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ.

Trong dịp này IIVS quyết định mời Phái đoàn VNDCCH tại Hội nghị Paris sang thăm Tây Đức. Theo kế hoạch, Phái đoàn sẽ đến Tây Đức vào ngày 21 tháng 11 năm 1969. Tuy nhiên, chỉ trước đó một ngày chính phủ mới của Thủ tướng Willi Brand đã từ chối cấp visa cho Phái đoàn. IIVS lập tức kêu gọi các nhân sĩ, trí thức nổi tiếng phản đối chính sách của chính phủ Brand. Hàng chục bức thư ngỏ của các nhà văn và các giáo sư nổi tiếng ngay sau đó được công bố, kịch liệt phê phán chính sách thân Mỹ của chính phủ CHLB Đức.

Tiếp đó, IIVS kêu gọi cùng hành động mạnh mẽ trong Tuần lễ vì Việt Nam vào tháng 3 năm 1970. Lời kêu gọi của IIVS viết: "Chúng tôi kêu gọi những hành động đa dạng trên khắp CHLB Đức từ ngày 13 đến 22 tháng 3 năm 1970 nhằm chống lại cuộc xâm lăng của Mỹ tại Việt Nam... Hãy thành lập ngay những ủy ban Việt Nam tại các địa phương và các vùng! Hãy tổ chức ngay các chiến dịch đấu tranh kiên trì! Khẩu hiệu chính trị của chúng ta là: Rút ngay vô điều kiện tất cả quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ khỏi Nam Việt Nam! Yêu cầu Chính phủ Đức hành động gây ảnh hưởng để Mỹ chấm dứt cuộc xâm lăng ở Việt Nam! Công nhận ngay nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa! Ủng hộ Chương trình 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam!" (15).

Trong dịp này, một lần nữa IIVS quyết định mời Phái đoàn VNDCCH tại Hội nghị Paris sang CHLB Đức. Nhưng lại một lần nữa chính phủ Tây Đức từ chối cấp visa cho Phái đoàn. Thái độ ngoan cố này của Chính phủ Tây Đức đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ phía IIVS. Ngày 20 tháng 3 năm 1970, trong buổi mít tinh tại nhà thờ Paulskirche ở Thành phố Frankfurt am Main, IIVS đã ra "Tuyên ngôn chống lại hành động chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam và chống lại sự ủng hộ chính sách chiến tranh của Chính phủ CHLB Đức đối với Mỹ". Hàng chục bức thư ngỏ của các nhân sĩ, trí thức nổi tiếng phê phán chính sách của Chính phủ Tây Đức lại được công bố, trong đó có thư của nhà văn nổi tiếng Martin Walser, các giáo sư W. Abendroth, E. Bloch, W. Fabian. Các nhà hoạt động chính trị như W. Lueder, K. Voigt...

Trong các năm tiếp theo, từ 1970-1973 phong trào hòa bình, ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ còn tiếp tục phát triển ở Đức, nhưng có chiều hướng suy giảm dần. Một phần do phong trào phản kháng chung ở Tây Âu từ sau năm 1968 mất dần đà phát triển. Mặt khác, việc Tổng thống Mỹ Richard Nixon lên cầm quyền và công bố chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" với nhiều thủ đoạn chính trị xảo quyệt khác đã ít nhiều xoa dịu phong trào. Đến khi Mỹ lộ rõ bộ mặt thật, ném bom miền Bắc Việt Nam lần thứ hai vào cuối năm 1972 thì phong trào chống Mỹ có dấu hiệu bùng phát trở lại, tuy nhiên lại lắng xuống ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27 tháng 1 năm 1973.

#### 4. Một vài nhận xét

Qua tìm hiểu bước đầu về lịch sử phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ tại CHLB Đức, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:



- Trong thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, việc một phong trào hòa bình, phản đối chính sách hiếu chiến của chính phủ Mỹ xuất hiện và phát triển mạnh mẽ ngay tại nước Mỹ và nhiều đồng minh phương Tây của Mỹ có ý nghĩa quan trọng về nhiều phương diện. Chắc chắn phong trào này đã góp phần không nhỏ vào việc làm thất bại các chính sách và nỗ lực chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, trực tiếp góp phần vào thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Trong số các nước đồng minh phương Tây, CHLB Đức có vị trí đặc biệt quan trọng, là nơi cũng diễn ra cuộc đối đầu trực tiếp và quyết liệt giữa phe XHCN và phe TBCN trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Vì vậy, việc nghiên cứu về lịch sử phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ tại Tây Đức không chỉ góp phần làm rõ hơn lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam mà còn góp phần hiểu rõ hơn lịch sử cuộc Chiến tranh Lạnh trên quy mô toàn cầu.

- Dưới cái nhìn lịch đại có thể thấy phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ tại Tây Đức đã trải qua hai giai đoạn. Trước năm 1968 phong trào này chủ yếu chỉ mang nội dung phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Nội dung ủng hộ nỗ lực kháng chiến của nhân dân Việt Nam còn chưa rõ, hay nói chính xác hơn, mới chỉ là mục tiêu gián tiếp của phong trào. Từ sau năm 1968, phong trào đã phát triển mạnh mẽ hơn và hai nội dung trên đây đã gắn chặt với nhau, thậm chí nội dung ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam do Chính phủ VNDCCH và Mặt trận DTGPMNVN lãnh đạo đã trở thành nội dung trực tiếp và chủ

đạo. Bước chuyển biến này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng quan trọng nhất chính là những thắng lợi to lớn của quân và dân Việt Nam, đặc biệt là tác động của cuộc tổng tấn công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân 1968. Qua đó, có thể thấy rõ sự tương tác khăng khít giữa các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.

- Cần phải nhìn nhận phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam như một bộ phận hữu cơ của phong trào phản kháng chính trị - xã hội của các tầng lớp nhân dân Tây Đức thời đó. Đây chính là điểm mang lại bản sắc riêng cho phong trào này tại Đức. Nhân dân Tây Đức, nhất là thanh niên - sinh viên, hăng hái tham gia vào phong trào này không chỉ vì họ phản đối chiến tranh và ủng hộ nhân dân Việt Nam mà còn vì chính lợi ích của họ, vì khát vọng hòa bình, vì mục tiêu dân chủ, tự do ngay tại nước Đức. Có thể thấy rõ mối liên hệ này thông qua sự gắn kết giữa hai nội dung lớn của phong trào: đấu tranh phản đối chính sách hiếu chiến của Mỹ và đấu tranh chống lại việc các chính phủ Đức ủng hộ chính sách hiếu chiến của chính phủ CHLB Đức.

- Tuy phát triển mạnh mẽ, song phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam tại Tây Đức còn chưa thực sự thống nhất và do đó thiếu sự quy tụ sức mạnh, khó hiện thực hóa được các mục tiêu do nó tự đề ra và thiếu sức bền bỉ, liên tục, nhất là từ giữa năm 1970 trở đi. Đây cũng là hạn chế chung của phong trào hòa bình ở nhiều nước phương Tây khác.

Giờ đây, cuộc chiến tranh đã lùi xa vào lịch sử và cả hai dân tộc Đức và Việt Nam đều đã được thống nhất, trở thành hai quốc gia có chủ quyền trọn vẹn trong bối cảnh

mới của thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Nhiều nhân vật từng tham gia tích cực vào phong trào hòa bình, phản chiến thời đó vẫn còn lưu giữ nguyên vẹn ký ức sôi động của một thời đấu tranh vì chính nghĩa, vì hòa bình và ủng hộ nhân dân Việt

Nam. Đây chính là một trong những tài sản quý giá cần phải trân trọng và phát huy trong việc xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia, hai dân tộc trong điều kiện mới của thế giới ngày nay.

## CHÚ THÍCH

(1). Theo: Buro, Andreas, "Die Entstehung der Ostermarchbewegung als Beispiel fuer die Entfaltung von Massenlernprozessen", in: *Friedenanalysen*, 1977, Band 4, tr. 50-78; Otto, K.A., *Von Ostermarch zu APO. Geschichte der ausserparlamentarischen Opposition in der Bundesrepublik 1960-1970*, Frankfurt/Main, 1979, tr. 78.

(2). "Schluss mit dem schmutzigen Krieg in Vietnam", truyền đơn tán phát trong cuộc diễu hành vì hòa bình nhân Lễ Phục sinh năm 1965. Dẫn lại trong Buro, Andreas, sdd, tr. 67.

(3). Siegfried, Prokop, *Studenten in Aufbruch*, Berlin, 1974, tr. 103.

(4). *Neue Kritik*, số 34 (1965) tr. 4.

(5). Der Deutsche Friedensgesellschaft - Bund der Kriegsgegner, Schreiben von 30.7.1965. Archiv der Hilfsaktion Vietnam.

(6). "Die Welt", số ra ngày 3.9.1965.

(7). "Mitteilung Nr.2", Hilfsaktion Vietnam. Vietnam Archiv, 11. 1965.

(8). SDS, "Der Kampf des vietnamesischen Volkes und die Globalstrategie Imperialismus", Internationaler Vietnam-Kongress, 17/18 Februar 1968, Westberlin, tr. 159.

(9). Như trên, tr. 159.

(10). Tài liệu phỏng vấn TS. Gerhard Reiner, Bochum, 3-6-1993. Một trong những nhân chứng nổi tiếng của các cuộc đấu tranh này là TS. Joschka Fischer, người sau này đã trở thành thủ lĩnh Đảng Xanh - Liên minh 90 và là Bộ trưởng Ngoại giao Đức, 1998-2005. Ông là một trong những người đã xung đột kịch liệt với cảnh sát Đức ở Frankfurt am Main vào năm 1968 và tháng 3 năm 1973.

(11). "Die Welt", số ra ngày 19.3.1968. Tài liệu phỏng vấn GS. TS. Bernhard Dahm, Passau, 12.4.2007.

(12). "Rundbrief Nr. 6 von 5. Oktober 1968".

(13). Borowsky, Peter, *Asserparlamentarischen Opposition...*, đã dẫn, "Informationen fuer Demokratie und Abruestung, Nr. 69/70/71", tr. 19.

(14). Truyền đơn: "Stoppt den ú-Krieg - Frieden fuer Vietnam jetzt!", Archiv der IIVS.

(15). Truyền đơn đăng báo của IIVS "Giftgas, Napalm, Massaker - Stoppt den Terror, Amis raus aus Vietnam", ngày 1.3.1970. Archiv der IIVS.